

NỘI DUNG CỦA NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG LUẬT HÌNH SỰ – CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÁCH TIẾP CẬN

*Hồ Sỹ Sơn**

Là một bộ phận hợp thành một hệ thống pháp luật Việt Nam, luật hình sự không thể không hàm chứa các nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật. Tuy nhiên, trong luật hình sự, nguyên tắc nhân đạo có tính đặc thù bởi đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, tính chất của các mối quan hệ cũng như của lợi ích mà luật hình sự bảo vệ.

Tính đặc thù của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự thể hiện ở chỗ, nói đến nhân đạo trong luật hình sự là nói đến nhân đạo với ai (?); Với xã hội (?); Với người bị hại hay với người phạm tội (?). Xoay quanh vấn đề này, trong sách báo pháp lý hình sự cũng như trong thực tiễn xây dựng và áp dụng luật hình sự vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau. Do vậy, với mục đích làm sáng tỏ các câu hỏi trên đây, tác giả bài viết này tập trung chủ yếu vào xem xét nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự thông qua việc phân tích các quan điểm khác nhau về nội dung của nguyên tắc này, đồng thời đưa ra ý kiến của mình về vấn đề đang được xem xét.

Trước hết cần nhấn mạnh rằng trong sách báo pháp lý cũng như trong thực tiễn xây dựng và áp dụng luật hình sự cho đến nay vẫn còn có khá nhiều quan điểm khác nhau về nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Những người có quan điểm hẹp về nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự xuất phát từ nội dung trừng trị vốn có của hình phạt và mục đích của hình phạt đều nhận thức nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự chỉ theo một bình diện, đó là xác định loại và mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội, xác định tính chất của các phương tiện tác động của luật hình sự. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng “Nguyên tắc nhân đạo không đặc trưng cho luật hình sự có nhiều điều cấm hình sự (tội

phạm) và nhiều loại hình phạt nghiêm khắc, trong đó có hình phạt tử hình. Vì vậy nguyên tắc này chỉ có ý nghĩa hạn chế cường chế hình sự thông qua việc xác định mục đích của hình phạt và các nguyên tắc quyết định hình phạt”¹. Cũng theo cách nhận thức đó, có quan điểm cho rằng “Đôi khi người ta coi việc áp dụng hình phạt tử hình là việc làm nhân đạo – nhân đạo đối với xã hội. Chúng tôi cho rằng, dù sao thì việc làm đó không phải là việc làm nhân đạo mà là việc làm có tính chất bắt buộc vì lợi ích xã hội, là việc làm gián đoạn quá trình đưa nguyên tắc nhân đạo vào cuộc sống”². Theo một quan điểm khác thì sự đối xử nhân đạo đối với người phạm tội là kênh duy nhất để thực hiện các quan điểm, tư tưởng nhân đạo trong luật hình sự hiện nay. Mục đích không trừng trị, không trả thù người phạm tội được quy định trong luật hình sự” theo quan điểm này “rõ ràng là thể hiện đầy đủ hơn tính nhân văn của luật hình sự. Luật hình sự phải được tiếp tục nhân đạo hoá bằng cách “làm mềm hoá” các loại và phạm vi áp dụng các phương tiện đấu tranh với tội phạm”. Cũng theo quan điểm này “xét trong một tổng thể thì chiến lược phát triển luật hình sự cũng như các ngành thuộc tư pháp hình sự đều gắn với việc tăng cường tỷ trọng và vai trò của các thông số thuộc về nhân thân người phạm tội: tất justiz – Person Justiz. Luật hình sự thực hiện điều đó một cách từ từ thông qua mô hình so sánh trách nhiệm hình sự (cấu thành tội phạm), tăng dần số lượng các thông số thuộc về nhân thân người phạm tội mà trước hết là những thông số có ý nghĩa đối với việc xác định mức hình phạt và để trong tương lai có thể áp dụng tất cả những thông số

¹ Xem: KLENOVA T.V, Các nguyên tắc của luật hình sự và các nguyên tắc của lập pháp hình sự, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, 1967, số 1, tr. 56 (Tiếng Nga).

² Xem: KARPEX. I. I. Hình phạt: Vấn đề xã hội, pháp luật và tội phạm học, Matxcova, 1973, tr. 87 (Tiếng Nga).

* Thạc sỹ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật

đó để giải quyết vấn đề cơ bản của luật hình sự: truy cứu hay không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội". "Ngay cả khi thừa nhận nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự có nội dung rất rộng thể hiện ở tính chất các quan hệ xã hội mà luật hình sự ghi nhận và bảo vệ, ở các phương tiện và phương pháp mà luật hình sự sử dụng để bảo vệ các quan hệ xã hội đó, ở các loại và khung hình phạt mà nhà làm luật quy định đối với tội phạm, theo quan điểm này, cũng cần phải nhận thức nguyên tắc nhân đạo chỉ theo một bình diện, đó là xác định loại và mức hình phạt để áp dụng đối với người phạm tội"³.

Những quan điểm trên đây, không sai nhưng chưa đầy đủ về nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Đành rằng chúng ta không thể xếp hình phạt tử hình, tù chung thân và thậm chí cả tù có thời hạn dài vào số những biện pháp tác động mang tính nhân đạo của luật hình sự, cũng như không thể lý giải được rằng những hình phạt này, đặc biệt là hình phạt tử hình là biểu hiện của "lòng yêu thương" và của "sự đối xử nhân đạo" đối với người phạm tội. Hơn thế nữa, xét từ lợi ích của người phạm tội thì đối với họ áp dụng hình phạt tử hình, tù chung thân và thậm chí là hình phạt tù có thời hạn đi nữa, đều không "thoả đáng". Nhìn từ góc độ lợi ích của người phạm tội, hình phạt tử hình là hoàn toàn không nhân đạo và các hình phạt khác ngoài hình phạt tử hình, có thể là tương đối nhân đạo. Vậy để nhân đạo với họ chỉ có thể là không áp dụng hình phạt. Song "giới hạn của tội phạm phải là giới hạn của sự trừng phạt". Mặt khác việc quy định tội phạm và hình phạt nhưng không áp dụng hình phạt làm cho việc quy định tội phạm và hình phạt trở nên vô nghĩa. Vậy một vấn đề đặt ra đối với cách tiếp cận nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự phải được đặt trên một "nền" rất rộng lớn chứ không chỉ đơn thuần là giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cho người phạm tội. Một "nền" rất rộng lớn đó bao hàm cả những vấn đề về trách nhiệm hình sự, khái niệm tội

phạm, phân loại tội phạm, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết v.v.

Mặt khác, chúng ta đã biết rằng trong nền tư pháp hình sự nhân đạo cái mà người ta vẫn thường gọi là "quyết định hình phạt một cách nhân đạo" không thể không quyết định hình phạt một cách công bằng để bảo vệ các giá trị của xã hội. Luật hình sự trước hết phải hướng nhiệm vụ của mình vào "bảo vệ" các cơ sở nền tảng của xã hội khỏi những hành vi thái quá của con người cụ thể sau đó mới "tăng phẩm chất" của các loại phương tiện và phạm vi áp dụng chúng để đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm. Rõ ràng nếu tăng cường vô hạn tỷ trọng và vai trò của các thông số thuộc về nhân thân người vi phạm pháp luật, sử dụng cấu thành tội phạm chỉ với tư cách là mô hình so sánh trách nhiệm, trước hết sẽ làm biến dạng cơ sở của việc quyết định hình phạt một cách bình đẳng và công bằng và tiếp đó là cơ sở thực tế của trách nhiệm hình sự – hành vi phạm tội đã xảy ra trên thực tế. Không phải tất cả thông số thuộc về nhân thân người phạm tội mà chỉ có những thông số nào quan trọng nhìn từ góc độ cần đối xử nhân đạo đối với người phạm tội mới có ý nghĩa với việc quyết định hình phạt. Danh mục những thông số đó phải có giới hạn mà theo chúng tôi chỉ bao gồm những tình tiết không điển hình, không phổ biến như người già cả, người chưa thành niên, người bị bệnh hiểm nghèo, không nơi nương tựa v.v. đòi hỏi Toà án phải cân nhắc vì lý do nhân đạo để quyết định hình phạt nhẹ hơn. Cần lưu ý rằng những tình tiết điển hình, phổ biến thường đã được nhà làm luật ghi nhận trong các quy phạm pháp luật hình sự tương ứng của Phần chung lẫn Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự. Đối với chúng, bởi nhà làm luật đã "dự liệu" trong các nguyên tắc chung của việc quyết định hình phạt, nên không đòi hỏi Toà án phải cân nhắc mà là phải áp dụng khi quyết định hình phạt. Từ đó có thể thấy rằng, việc tăng cường tỷ trọng và vai trò của các thông số thuộc về nhân thân người phạm tội được tiến hành chủ yếu thông qua các tình tiết không điển hình, không phổ biến, không thông thường mà nhìn từ góc độ lý do nhân

³ Xem: KELINA. S. G, Các nguyên tắc của Bộ luật Hình sự, Matxcova, 1987, tr. 27 (tiếng Nga).

đạo cần đối xử nhân đạo đối với người phạm tội. Việc cân nhắc áp dụng quá nhiều các tình tiết không quan trọng lắm nhìn từ góc độ cần đối xử nhân đạo đối với người phạm tội, thậm chí cả những tình tiết đã được nhà làm luật quy định đều phá vỡ cơ sở thống nhất của trách nhiệm hình sự, vi phạm nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật – yếu tố không thể thiếu của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự.

Ý nghĩa của hành vi phạm tội không đơn thuần chỉ là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của tội phạm mà còn lớn hơn thế bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của nó mới quyết định loại và mức hình phạt cần áp dụng đối với người phạm tội. Vì vậy cần lưu ý rằng, các tình tiết cho phép đối xử nhân đạo hơn đối với người phạm tội chỉ có ý nghĩa giảm nhẹ hình phạt và đôi khi được coi là điều kiện để miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt cho người phạm tội. Kể cả trong những trường hợp này các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó phải được đánh giá trên cơ sở và có cân nhắc đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi đã xảy ra trên thực tế.

Trong những năm gần đây xu hướng nghiên cứu nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự theo một bình diện: nhân đạo đối với người phạm tội, cũng được đề cập nghiên cứu trong khoa học luật hình sự nước ta. Chẳng hạn có quan điểm cho rằng “Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong luật hình sự trái ngược với mục đích trả thù người phạm tội mà là tạo điều kiện có thể được để người phạm tội cải tạo tốt, trở lại làm ăn lương thiện. Hình phạt cũng như các biện pháp tác động khác của luật hình sự chỉ được áp dụng đến mức độ cần cho sự cải tạo và giáo dục chứ không nhằm mục đích khác. Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa được thể hiện khi quyết định hình phạt và các biện pháp tác động khác của cơ quan có thẩm quyền, trong quá trình cải tạo giáo dục người phạm tội và khi họ đã chấp hành xong hình phạt”⁴. Nguyên tắc nhân đạo

theo một quan điểm khác “trước hết thể hiện ở chỗ, đối với người phạm tội thì xã hội, nhà nước không có mục đích trả thù mà ngược lại tạo mọi điều kiện có thể để cho người đó cải tạo tốt, trở lại làm ăn lương thiện có ích cho xã hội. Hình phạt cũng như các biện pháp tác động pháp lý hình sự khác không nhằm gây đau đớn về thể xác, không nhằm hạ thấp phẩm giá của con người và chỉ được áp dụng đến mức độ cần thiết tối thiểu cho sự cải tạo và giáo dục. Luật hình sự Việt Nam khoan hồng đối với những người nhất thời phạm tội ít nghiêm trọng, đối với người tự thú thật thà khai báo, tố giác đồng bọn, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại. Luật hình sự Việt Nam có những quy định tạo điều kiện cho người phạm tội tự cải tạo và tích cực cải tạo như: miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật Hình sự, treo án. Hình phạt tù chung thân và tử hình được áp dụng trong những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và với những điều kiện phạm vi rất chặt chẽ; hình phạt tù chung thân và tử hình không được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội, đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi xét xử”⁵.

Với cách nhìn nhận rộng hơn về nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự có quan điểm cho rằng: 1) Hình phạt, các biện pháp tư pháp và các chế định pháp lý hình sự khác được áp dụng đối với người phạm tội không nhằm mục đích gây nên những đau đớn về thể xác và hạ thấp nhân phẩm con người; 2) Nếu trong việc gây thiệt hại về mặt pháp lý hình sự mà thiếu dù chỉ một trong năm đặc điểm của tội phạm – thiếu một trong năm dấu hiệu của chủ thể của tội phạm – thiếu một trong năm điều kiện của trách nhiệm hình sự thì tương ứng như, hành vi ấy không phải là tội phạm – người thực hiện hành vi ấy không phải là chủ thể của tội phạm và do đó trách nhiệm

⁴ Xem: Nguyễn Ngọc Chí, Luận án tiến sĩ luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 2000, tr. 101.

⁵ Xem: Võ Khánh Vinh (chủ biên), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung), Đại học Huế, NXB. Công an nhân dân, 2002, tr. 33.

hình sự bị loại trừ; 3) Mức độ trách nhiệm hình sự của người có năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế, người chưa thành niên, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ, người quá già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo được giảm nhẹ hơn so với người bình thường”⁶. Rõ ràng mặc dù có cách nhìn nhận rộng hơn về nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự song nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, theo quan điểm này chủ yếu thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự đối với người phạm tội.

Như vậy, dù có những cách tiếp cận khác nhau về nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, song những quan điểm trên đây dù trực tiếp hay gián tiếp ở những mức độ khác nhau đều cho rằng, nhân đạo trong luật hình sự là nhân đạo với người phạm tội. Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự như đã nhấn mạnh phải được nghiên cứu trên một “nền” rất rộng liên quan đến việc quy định hành vi nào đó là tội phạm hay không là tội phạm, quy định chế tài này hay chế tài khác để áp dụng đối với người phạm tội, liên quan đến chính sách khoan hồng đối với một số loại người phạm tội nhất định v.v. Bởi vậy việc nghiên cứu nội dung của nguyên tắc này phải được đặt trong mối liên hệ với nền đạo đức chung, cơ sở nhân đạo, nhân văn của một xã hội cụ thể. Nói cách khác, nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự phải được nhận thức rộng hơn mà theo chúng tôi, trên cả hai bình diện. Trên bình diện thứ nhất nguyên tắc nhân đạo thể hiện tính thứ bậc của các lợi ích trong xã hội được bảo vệ bằng các quy phạm pháp luật hình sự bằng các giá trị nhân đạo khác. Trên bình diện này, nhân đạo trong luật hình sự thể hiện ở việc luật hình sự bảo vệ “chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức; bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp

luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm” (Điều 1 Bộ luật Hình sự năm 1999). Trên bình diện thứ hai, nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự thể hiện sự đối xử nhân đạo trong đó có sự khoan hồng của luật hình sự đối với người phạm tội.

Trong sách báo pháp lý hiện nay cũng có khá nhiều quan điểm đề cập đến nội dung của nguyên tắc nhân đạo theo hai bình diện. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng “Nguyên tắc nhân đạo có nội dung: a) bảo đảm an ninh xã hội và Nhà nước (bảo vệ lợi ích hợp pháp của đông đảo nhân dân); b) tiết kiệm các biện pháp tác động hình sự; hình phạt phải được xem là biện pháp cưỡng chế cuối cùng, khi các biện pháp tác động khác không đem lại hoặc khó đem lại kết quả mong muốn; c) không áp dụng những hình phạt có tính chất gây đau đớn về thể xác hoặc hạ thấp danh dự, nhân phẩm con người; d) bản thân hệ thống hình phạt phải được xây dựng theo sơ đồ đi từ hình phạt nhẹ đến hình phạt nặng hơn và các chế tài cụ thể của điều luật tương ứng cũng phải được thiết kế theo sơ đồ đó; đ) phải quy định thẩm quyền của Chủ tịch nước (hoặc Tổng Thống) về kiểm tra tính có cơ sở của hình phạt tử hình đã được tuyên đối với bị cáo kể cả đối với những trường hợp không có đơn xin ân giảm; e) quy định trong Bộ luật Hình sự các điều kiện và khả năng được miễn, giảm hình phạt áp dụng án treo, đặc xá, ân xá v.v, các điều kiện và khả năng được miễn trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng các biện pháp tác động hình sự khác đối với các trường hợp phạm tội lần đầu, phạm tội do trường hợp các tính chất một cách ngẫu nhiên; g) quy định trong Bộ luật Hình sự chế độ đặc biệt đối với việc trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, người già và những đối tượng khác đáng được hưởng sự khoan hồng của luật hình sự”⁷. Nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, theo một quan điểm khác, thể hiện trên hai bình diện: bảo đảm an ninh cho các thành viên của xã hội khỏi sự xâm phạm của tội phạm và đảm bảo quyền con người của người phạm tội. Trên

⁶ Xem: Lê Văn Cẩm (chủ biên), Giáo trình luật hình sự Việt Nam, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr. 69.

⁷ Xem: R.R. GAPIAK BAROV, Luật hình sự, Phần các tội phạm, tr. 20.

binh diện thứ nhất, việc quy định và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với một số trường hợp nhất định phải bảo đảm tính nghiêm khắc ở mức có thể để tác động đến “những thành viên không vững vàng” trong xã hội nhằm ngăn ngừa họ phạm tội và thông qua đó để bảo vệ xã hội. Nguyên tắc nhân đạo còn có nội dung đảm bảo quyền con người của người phạm tội⁸. Bàn về nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự, cũng có quan điểm nhấn mạnh: “Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự trước hết và cần phải bằng các phương tiện tác động của luật hình sự, bảo vệ các quyền và tự do của con người, bảo vệ tài sản của họ khỏi sự xâm phạm của tội phạm. Sẽ là công bằng và nhân đạo nếu áp dụng các chế tài hình phạt nghiêm khắc nhất đối với những người thực hiện những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, những người đã gây hoang mang lo sợ cho mọi người trong xã hội về tính mạng và an ninh của mình, lo lắng về việc không được bảo vệ một cách vững chắc khỏi sự xâm phạm của tội phạm. Nguyên tắc nhân đạo còn thể hiện ở việc nếu có thể thì áp dụng những hình phạt nhẹ đối với những người lần đầu thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội, ăn năn, hối cải, mong muốn khắc phục hậu quả đã gây ra”⁹.

Cũng thừa nhận nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự thể hiện trên hai bình diện, nhưng có quan điểm lại cho rằng, trên bình diện thứ nhất, nhân đạo trong luật hình sự là nhân đạo đối với người bị hại, còn trên bình diện thứ hai, đó là sự nhân đạo đối với người phạm tội. Vì vậy luật hình sự trước hết phải bảo vệ con người, công dân về mọi mặt: tính mạng, sức khỏe, các quyền và lợi ích hợp pháp của họ khỏi sự xâm phạm của tội phạm. Nhân đạo hoàn toàn xa lạ với tình trạng áp dụng hình phạt một cách tùy tiện không có căn cứ vẫn thường xảy ra trong thực tiễn xét xử, trong khi cả cơ cấu cả động thái của tình hình

tội phạm không cho phép thực hiện điều đó. Sự tùy tiện áp dụng hình phạt nhẹ, đã làm cho sự “nhân đạo” trở thành “sự vô nhân đạo” đối với người bị hại – nạn nhân của tội phạm”¹⁰.

Những quan điểm trên đây về hai bình diện trong nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự cho thấy tính phức tạp cũng chính là tính đặc thù của nguyên tắc này trong luật hình sự. Tính phức tạp cũng chính là tính đặc thù của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự như đã nhấn mạnh là ở chỗ “nói đến nhân đạo trong luật hình sự là nói đến nhân đạo với ai? Với xã hội, với Nhà nước? Với người bị hại? Hay với người phạm tội”. Trước hết cần nhấn mạnh rằng phạm vi các lợi ích mà luật hình sự bảo vệ nói lên mức độ nhân đạo của luật hình sự. Bởi thừa nhận nguyên tắc bất bình đẳng về giai cấp và đẳng cấp trong xã hội mà luật hình sự chủ nô và luật hình phong kiến chỉ hướng vào bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị - số ít trong xã hội. Để bảo vệ lợi ích đó và trước sự phản kháng của giai cấp bị bóc lột, luật hình sự chủ nô và luật hình sự phong kiến quy định và áp dụng những hình phạt vô cùng dã man tàn bạo, hình phạt còn được áp dụng đối với những người thân thích của người phạm tội. Bởi bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản là chính, nên mặc dù ghi nhận trong pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng các giá trị và nguyên tắc mà các nhà luật học cổ điển đã nêu ra như pháp chế, công bằng, bình đẳng, trách nhiệm cá nhân v.v, luật hình sự tư sản chủ yếu hướng vào trừng trị những người “vô sản” và hình phạt tương như nhân đạo (nhiều quốc gia đã bỏ hình phạt tử hình) song trên thực tế là không nhân đạo (hình phạt tù có thể tổng hợp đến mấy trăm năm). Luật hình sự xã hội chủ nghĩa, như đã nhấn mạnh bảo vệ một cách toàn diện các lợi ích trong xã hội nên việc xử lý tội phạm và người phạm tội hướng vào ngăn ngừa tội phạm. Điều đó “không chỉ phản ánh một trình độ mới, cao hơn của công tác hợp pháp mà coi là một chiến lược mang tính nhân đạo cao cả” của luật hình sự là ngăn ngừa tội phạm, phòng ngừa tội phạm.

⁸ A. N. IGNATOV, Luật hình sự, khái niệm, đối tượng và hệ thống, tr. 13.

⁹ B. N. ZĎRAVOMUSLOV, Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự, Luật hình sự Cộng hoà Liên bang Nga, Phần chung, Matxcova, 1996, tr. 20.

¹⁰ N. PH. KUZNHEXÔVA, Các nguyên tắc của pháp luật hình sự, tr. 77, 78, 79.

Như vậy, nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự không chỉ là “xác định mục đích của hình phạt”; không chỉ là “bảo vệ một cách toàn diện đối với cá nhân, bảo đảm an ninh của các thành viên của xã hội khỏi sự xâm phạm của tội phạm”; “bảo vệ lợi ích của người bị hại” mà còn bảo vệ tất cả các điều kiện tồn tại và phát triển của Nhà nước xã hội chủ nghĩa như là một Nhà nước của xã hội dân sự, một Nhà nước phát triển theo xu hướng ngày càng nhân đạo hơn.

Nhân đạo, tồn tại trong xã hội với tính cách là chủ nghĩa nhân đạo - khái niệm tổng hợp và kế thừa tất cả các giá trị kinh tế, chính trị, tư tưởng - các mặt quan trọng của sự tồn tại của con người của nhân loại và với tư cách là sự đối xử nhân đạo (nhân từ, khoan dung, độ lượng v.v) đối với con người. Do vậy sự khoan hồng của luật hình sự đối với người phạm tội chỉ là yếu tố cấu thành của nhân đạo trong luật hình sự.

Bởi thuật ngữ nhân đạo bao hàm các ý nghĩa khác nhau trên đây, cần phải nghiên cứu sự khác biệt đó xem nó có được phản ánh vào luật hình sự hay không? Các luận điểm được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992: “Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân” (Điều 2), “Nhà nước bảo đảm không ngừng phát huy quyền làm chủ mọi mặt của nhân dân (...) xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện” (Điều 3), mang nội dung nhân đạo sâu sắc. Nhìn từ góc độ nhân đạo, như đã nhấn mạnh Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Điều 1 có nhiệm vụ bảo vệ sự tồn tại và phát triển của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, làm cho nhà nước ngày càng phát triển theo xu hướng nhân đạo hơn. Một xã hội nhân đạo, một nhà nước nhân đạo đòi hỏi luật hình sự phải bảo vệ một cách có hiệu quả tất cả các lợi ích trong xã hội. Việc bảo vệ tất cả các lợi ích trong xã hội là điều kiện và tiền đề để bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích cá nhân. Nói cách khác, nhu cầu bảo vệ một cách toàn diện lợi ích cá nhân đòi hỏi luật hình sự phải

bảo vệ tất cả các lợi ích trong xã hội. Rõ ràng là, chính nội dung của quan điểm nhân đạo của Nhà nước quyết định mức độ khoan hồng của luật hình sự đối với người phạm tội.

Từ những điều phân tích trên đây có thể thấy rằng nội dung của nguyên tắc nhân đạo bao gồm hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Ở nghĩa rộng, nguyên tắc nhân đạo gắn với trách nhiệm của Nhà nước trong việc xác định cơ sở của trách nhiệm hình sự, quy định tội phạm và hình phạt cũng như các biện pháp tác động của luật hình sự nhằm bảo vệ các lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của cá nhân. Do vậy “kênh chính” để thực hiện nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự không chỉ là khoan hồng đối với người phạm tội mà còn xác định các quan hệ xã hội (khách thể bảo vệ của luật hình sự) để bảo vệ bằng pháp luật hình sự. Rõ ràng nội dung của nguyên tắc nhân đạo ở nghĩa rộng được thể hiện cả trong các quan hệ xã hội mà pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ và cả trong nội dung của các chế tài hình sự được sử dụng bảo vệ các quan hệ xã hội đó.

Ở nghĩa hẹp, nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự thể hiện ở mức độ khoan hồng của luật hình sự đối với người phạm tội. Cơ sở của sự khoan hồng của luật hình sự đối với người phạm tội nằm trong những giá trị nhân đạo được ghi nhận và bảo vệ bằng luật hình sự, theo đó mức độ khoan hồng đối với người phạm tội tùy thuộc vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà người đó đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của người phạm tội đó.

Như vậy, nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự theo nghĩa hẹp được quyết định bởi nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự theo nghĩa rộng và chỉ được xác định đối với sự kiện thực hiện tội phạm cụ thể. Sự đối xử nhân đạo ở đây bao hàm tính chất của hình phạt, mức độ áp dụng hình phạt và mức độ khoan hồng đối với người phạm tội được thể hiện trong quan hệ trách nhiệm pháp lý hình sự, trong lĩnh vực áp dụng luật hình sự.